

Số: 18/2021/QĐST-HNGĐ

N, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 308/2020/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Đức T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lái xe.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Thanh H.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị H, anh T có 01 con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 10/10/2019.

Sau khi ly hôn chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 10/10/2019 hiện nay đang ở với chị H cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi (trừ trường hợp có thay đổi khác). Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị H mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận, thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

*Án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh T nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Án phí cấp dưỡng:* Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000727 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện Q;
- UBND xã S;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**HÀ MINH LỰC**